

Số: 07/2022/QĐST-HNGĐ

Chư Prông, 17 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 07 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về nuôi con khi ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần L có 02 con chung tên là Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 25/04/2011; Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 06/04/2017 đều hiện đang ở với mẹ.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần L tự nguyện thỏa thuận như sau:

Giao 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 25/04/2011 (như nguyện vọng của con chung); và Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 06/04/2017 đều hiện đang ở với mẹ cho Chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc thay đổi hoặc chấm dứt việc trực tiếp nuôi con chung thực hiện khi có căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nH và gia đình 2014.

Hiện tại chị T không có thai nghén gì.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần L thỏa thuận anh Trần L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 (hai) con chung số tiền cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 2.000.000(hai triệu đồng)trên một con một tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01năm 2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nH và gia đình 2014

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,468 bộ luật dân sự 2015.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và Anh Trần L không yêu cầu, không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm (cả phần của anh L) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006238 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương

